

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM – ST

Ngày: 12/8/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Chung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Sơn;

Ông Nguyễn Minh Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Len – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST –KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST- KDTM, ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần B;

Địa chỉ trụ sở: Lô B6.5 KCN Th, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ liên lạc: 53 Tr, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn L, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công Đ, chức vụ: Phó giám đốc nhà máy b1 trực thuộc Công ty Cổ phần B theo giấy ủy quyền số 35/UQ-HCC-TGD, ngày 11/5/2020. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH M;

Địa chỉ trụ sở: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/6/2020, nguyên đơn là Công ty Cổ phần B và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Công Đ theo giấy ủy quyền số 35/UQ-HCC-TGD, ngày 11/5/2020 trình bày:

Giữa Công ty Cổ phần B (Sau đây gọi tắt là “Công ty H) với Công ty TNHH M (Sau đây gọi tắt là “Công ty M1”) xác lập Hợp đồng mua bán số

B032/2018/HĐMB ký ngày 10/3/2018 để cung cấp bê tông cho công trình: Khu dân cư Đ tại Thị Trấn C -Huyện B -Tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện hợp đồng, Công ty H đã thực hiện cung cấp bê tông cho Công ty M tại công trình với tổng khối lượng bê tông đã giao là $142,5\text{m}^3$. Tổng giá trị bê tông đã xuất hóa đơn là 142.500.000 đồng.

Với tư cách là bên mua, Công ty M mới thực hiện thanh toán cho Công ty H số tiền là 1.523.000 đồng. Tại Thư xác nhận công nợ từ ngày 01/3/2018 Công ty M xác nhận tính đến ngày 30/9/2019 còn nợ Công ty H số tiền là: 140.977.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu, chín trăm bảy mươi bảy ngàn đồng chẵn*).

Theo điều 3.2 của hợp đồng số: B032/2018/HĐMB ngày 10/3/2018 “Vào ngày 15 và ngày cuối tháng, căn cứ vào bản xác nhận khối lượng bê tông của từng đợt cấp có xác nhận của bên A tại công trường, bên B tổng hợp và xuất hóa đơn giá trị gia tăng gửi bên A. Giá trị thanh toán được thể hiện trên hóa đơn giá trị gia tăng. Sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn bên A có trách nhiệm thanh toán dứt điểm số tiền bê tông trên hóa đơn cho bên B”.

Như vậy, số công nợ này đã quá hạn thanh toán, Công ty H đã có văn bản nhắc nhở số 64/CV-HCC-TCKT ngày 28/2/2020 và yêu cầu Công ty M thanh toán dứt điểm. Tuy nhiên, yêu cầu này cho đến nay vẫn chưa được Công ty M thực hiện.

Như vậy, theo hợp đồng với trách nhiệm của bên bán đã được Công ty H thực hiện xong. Với tư cách là bên mua, Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết tại Điều 3.2 của hợp đồng.

Công ty H yêu cầu Tòa án buộc Công ty M thanh toán số tiền mua bán bê tông còn thiếu và lãi suất chậm thanh toán tạm tính từ ngày 01/5/2018 đến ngày 29/02/2020, cụ thể số tiền nợ gốc là 140.977.000, số tiền lãi chậm thanh toán 22.203.878 đồng (lãi suất 0,75%/tháng); tổng cộng gốc và lãi là 163.180.878 đồng

Tại bản tự khai 14/7/2020, ông Nguyễn Văn K – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH M trình bày:

Công ty TNHH M xác nhận nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng mua bán số B032/2018/HĐMB ký ngày 10/3/2018 giữa Công ty Cổ phần B với Công ty TNHH M như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Hai bên đã đối chiếu công nợ và Công ty TNHH M còn nợ Công ty Cổ phần B số tiền gốc là 140.977.000 đồng. Nay Công ty Cổ phần B khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH M phải trả cho Công ty Cổ phần B số tiền gốc là 140.977.000 đồng và số tiền lãi là 22.203.878 đồng, Công ty TNHH M đồng ý trả số tiền trên cho Công ty Cổ phần B. Tuy nhiên hiện nay Công ty TNHH M đang gặp khó khăn về mặt tài chính nên đề nghị Công ty Cổ phần B cho Công ty TNHH M được khất lại một đến hai tháng để công ty thu xếp trả nợ cho Công ty Cổ phần B số tiền cả gốc và lãi theo đúng yêu cầu của Công ty Cổ phần B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng số B032/2018/HĐMB ngày 10/3/2018. Nơi thực hiện hợp đồng tại công trình khu dân cư Đ, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyên đơn lựa chọn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết là đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại các bút lục 02, 06 -10, 59, các bên thừa nhận: Công ty Cổ phần B với Công ty TNHH M ký kết hợp đồng mua bán số B032/2018/HĐMB ngày 10/3/2018 về việc cung cấp bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm phục vụ tại công trình khu dân cư Đ, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên Công ty Cổ phần B đã cung cấp bê tông thương phẩm theo hợp đồng cho Công ty TNHH M tổng khối lượng 142,5m³, tổng giá trị bê tông đã xuất hóa đơn là 142.500.000 đồng. Số tiền Công ty TNHH M đã thanh toán 1.523.000 đồng, giá trị còn lại chưa thanh toán là 140.977.000 đồng. Ngày 30/9/2019, hai bên có biên bản đối chiếu công nợ, theo đó Công ty TNHH M xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần B số nợ gốc là 140.977.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn thừa nhận còn nợ Công ty Cổ phần B số tiền gốc là 140.977.000 đồng và số tiền lãi là 22.203.878 đồng, Công ty TNHH M đồng ý trả số tiền trên cho Công ty Cổ phần B. Do đó, yêu cầu của Công ty Cổ phần B buộc Công ty TNHH M phải thanh toán số tiền gốc là 140.977.000 đồng và số tiền lãi là 22.203.878 đồng, tổng cộng 163.180.878 đồng theo hợp đồng số B032/2018/HĐMB ngày 10/3/2018 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Công ty TNHH M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 8.159.000 đồng (163.180.878 đồng x 5%). Công ty Cổ phần B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 264, Điều 266, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B.

Buộc Công ty TNHH M phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần B số tiền 163.180.878 đồng, trong đó, nợ gốc 140.977.000 đồng, số tiền lãi 22.203.878 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH M phải chịu 8.159.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty Cổ phần B số tiền 4.078.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000769 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Công ty TNHH M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Đình Chung

